

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 3
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	4 - 5
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### **Công ty**

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.

### **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

Số 0300546537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/12/2023.

### **Trụ sở chính**

Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Kiệt	Chủ tịch	Bỏ nhiệm lại ngày 26/04/2024
Ông Chu Quang Tuấn	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm lại ngày 26/04/2024
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 26/04/2024
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Thành viên	Bỏ nhiệm lại ngày 26/04/2024
Ông Nguyễn Đình Quyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024

### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Ngọc	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Ông Giáp Thanh Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 26/04/2024
Ông Đào Anh Tuấn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024
Ông Lê Tiến Luận	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2024

### **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Vũ Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Thạch	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Phạm Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bỏ nhiệm ngày 01/08/2024
Ông Võ Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2024
Bà Mai Thị Hào	Kế toán trưởng	

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Anh Kiệt - Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Ông Lê Vũ Hùng - Tổng Giám đốc được Ông Nguyễn Anh Kiệt ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 theo Giấy ủy quyền số 043/UQ/TCT-NSPC ngày 12/12/2023.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Chúng tôi, Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Tổng Công ty

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

**TM. Hội đồng quản trị**

**Chủ tịch**



**Nguyễn Anh Kiệt**

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**

**Lê Vũ Hùng**



Số: 453/BCKT-TC/AVA.NV12

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26/08/2024, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi chưa thu thập được các thư đối chiếu xác nhận của các khoản nợ phải thu tại ngày 30/06/2024 với số tiền khoảng 150,26 tỷ đồng (trong đó khoảng 81,25 tỷ đồng đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi). Ngoài ra, trong số các khoản nợ phải thu chưa được xác nhận này còn có khoảng 29,83 tỷ đồng phải thu của các cá nhân nhận giao khoán thi công xây lắp được trình bày tại mục V.5 thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm (trong đó khoảng 8,98 tỷ đồng đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi). Đây là khoản Tổng Công ty xử lý theo phê duyệt của Hội đồng quản trị tại tờ trình số 286/TT-TCT ngày 31/12/2023 về quy trách nhiệm khoản lỗ của những công trình đã quyết toán xong với các chủ đầu tư cho các cá nhân theo nội dung tại hợp đồng nhận khoán. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, các cá nhân này và Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc quyết toán để xác định số liệu chính xác. Trường hợp các khoản phải thu về chi phí giao khoán này không thu hồi được thì chi phí kinh doanh sẽ tăng thêm khoảng 20,85 tỷ đồng và lợi nhuận sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chúng tôi cũng chưa thu thập được các thư đối chiếu xác nhận của các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2024 với số tiền khoảng 115,38 tỷ đồng. Bằng các thủ tục khác đã thực hiện, chúng tôi chưa thể thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>155.750.892.949</b>	<b>161.622.150.075</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>2.186.804.654</b>	<b>31.073.643.190</b>
1. Tiền	111		2.186.804.654	11.073.643.190
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.656.702.635</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	40.656.702.635	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.099.032.363</b>	<b>99.487.766.140</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	59.736.765.001	60.401.610.744
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	52.068.937.086	52.108.947.085
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	58.223.156.122	57.797.903.870
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(83.929.825.846)	(70.820.695.559)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>14.364.631.989</b>	<b>14.364.631.989</b>
1. Hàng tồn kho	141		14.364.631.989	14.364.631.989
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.443.721.308</b>	<b>16.696.108.756</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	136.793.445	391.206.526
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.655.979.433	8.478.077.288
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	5.650.948.430	7.826.824.942
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>423.756.084.513</b>	<b>440.233.342.543</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.855.479.167</b>	<b>2.855.479.167</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.9	1.440.000.000	1.440.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.415.479.167	1.415.479.167
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>167.885.640.493</b>	<b>169.454.172.732</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	36.822.240.493	38.390.772.732
- Nguyên giá	222		90.431.433.956	119.256.863.788
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.609.193.463)	(80.866.091.056)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	131.063.400.000	131.063.400.000
- Nguyên giá	228		131.063.400.000	131.063.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>222.262.004.109</b>	<b>225.330.113.044</b>
- Nguyên giá	231		248.690.448.016	248.639.258.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.428.443.907)	(23.309.144.972)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.424.682.879</b>	<b>22.802.324.853</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	23.424.682.879	22.802.324.853
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	<b>1.974.013.605</b>	<b>14.440.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.177.062.074	15.643.048.469
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.203.048.469)	(1.203.048.469)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.354.264.260</b>	<b>5.351.252.747</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	5.354.264.260	5.351.252.747
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>579.506.977.462</b>	<b>601.855.492.618</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>380.721.759.801</b>	<b>425.774.391.836</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>136.856.625.339</b>	<b>143.686.194.194</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	76.968.899.381	77.461.589.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	8.382.037.119	7.056.817.271
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	142.865.940	419.551.485
4. Phải trả người lao động	314		981.269.460	542.625.547
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	12.294.485.739	12.358.061.689
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	34.079.777.095	35.173.158.646
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.866.519.899	8.270.057.548
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.140.770.706	2.404.332.806
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>243.865.134.462</b>	<b>282.088.197.642</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16	88.000.000.000	88.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	131.063.400.000	131.063.400.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	23.829.004.462	62.052.067.642
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		972.730.000	972.730.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>198.785.217.661</b>	<b>176.081.100.782</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>198.785.217.661</b>	<b>176.081.100.782</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.083.380.000	160.083.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.083.380.000	160.083.380.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.749.109.785	21.920.275.327
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21.920.275.327	69.598.153.949
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.828.834.458	(47.677.878.622)
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.452.727.876	7.577.445.455
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>579.506.977.462</b>	<b>601.855.492.618</b>

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Mai Thị Hảo

Tổng Giám đốc

Lê Vũ Hùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.077.074.218	26.775.844.825
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.077.074.218	26.775.844.825
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.912.320.461	22.993.359.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.164.753.757	3.782.484.895
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.751.942.148	42.825.911.359
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.067.307.134	7.921.757.771
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.039.830.937	7.921.757.771
8. Phần lãi hoặc (lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.570.268.904	31.306.173.618
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.279.119.867	7.380.464.865
12. Thu nhập khác	31	VI.6	3.354.853.134	5.764.496.927
13. Chi phí khác	32	VI.7	929.856.122	57.153.673
14. Lợi nhuận khác	40		2.424.997.012	5.707.343.254
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.704.116.879	13.087.808.119
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	3.043.451.908
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.704.116.879	10.044.356.211
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		22.828.834.458	10.308.474.026
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(124.717.579)	(264.117.815)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.557	703
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	1.557	703

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Mai Thị Hảo

Tổng Giám đốc

Lê Vũ Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.704.116.879	13.087.808.119
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.023.194.626	4.482.092.007
- Các khoản dự phòng	03	13.109.130.287	24.423.861.856
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	218.986	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(38.854.729.841)	(47.958.898.372)
- Chi phí lãi vay	06	2.039.830.937	7.921.757.771
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.021.761.874	1.956.621.381
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.540.796.195	25.550.386.455
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	6.710.693.659
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(110.332.056)	(24.273.470.127)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	251.401.568	335.060.398
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.103.406.887)	(8.014.813.554)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(290.162.100)	(277.598.199)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.310.058.594</b>	<b>1.986.880.013</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.204.414.856)	(200.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	3.767.424.241	5.937.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.656.702.635)	(32.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	32.400.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.533.460.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.476.035	572.983.359
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>9.444.242.785</b>	<b>6.709.983.359</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.866.519.899	13.378.923.455
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(46.493.120.728)	(54.948.105.983)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.320.100)	(27.471.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(44.640.920.929)	(41.596.653.588)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.886.619.550)	(32.899.790.216)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	31.073.643.190	36.745.665.112
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(218.986)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.186.804.654	3.845.874.896

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Mai Thị Hào

Lê Vũ Hùng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

### **I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300546537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 19/12/2023.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty: 160.083.380.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 16.008.338 cổ phần.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đào tạo cao đẳng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động của trụ sở văn phòng.
- Cho thuê xe có động cơ.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.
- Hoạt động bảo vệ tư nhân; Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn.
- Sản xuất điện (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân).
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt.
- Xây dựng công trình đường bộ; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình thủy lợi, đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công, thủy điện, đường giao thông, bến cảng, cho thuê văn phòng.

#### **3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh,  
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**4. Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, hoạt động thi công xây dựng các công trình cũ của Tổng Công ty đang đi vào giai đoạn kết thúc, chủ yếu là chờ nghiệm thu quyết toán, doanh thu từ hoạt động thi công xây dựng các công trình phát sinh không đáng kể, chưa có các công trình xây dựng mới gởi đầu.

Thực hiện Nghị quyết số 03/2024/QĐ-HĐQT ngày 13/03/2024 của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty đã chuyển nhượng một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP thu về một khoản doanh thu tài chính. Đồng thời, thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn, trả bớt nợ vay ngân hàng nhằm giảm áp lực về chi phí lãi vay.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****Các đơn vị trực thuộc, Công ty con và Công ty liên kết**

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán tập trung tại Văn phòng Tổng Công ty, 01 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, 03 Công ty con, và 01 Công ty liên kết, cụ thể như sau:

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tình trạng hoạt động
<b>Các chi nhánh</b>				
Chi nhánh Miền Bắc - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	Xã Xuân Cẩm, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hoá			Đang hoạt động
Chi nhánh Miền Trung - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh			Đang hoạt động
Chi nhánh Miền Nam - Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh			Đang hoạt động
Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP - Công ty tư vấn xây dựng	Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh			Đang hoạt động
<b>Các Công ty con</b>				
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4A	Số 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4B	Số 34 Đường Thủy Lợi, Phường Phước Long A, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	51,0%	51,0%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 414	Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	75,0%	75,0%	Đang hoạt động
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 42	Số 12A/28, đường Xuyên Á, khu phố Bình Đường 1, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	40,2%	40,2%	Đang hoạt động

**Tổng số cán bộ nhân viên**

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có 70 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2024, có 83 cán bộ nhân viên).



**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/06 hàng năm.  
Kỳ kế toán thường niên của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các văn bản pháp lý khác theo qui định của nhà nước.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cho cùng kỳ tài chính với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản tài sản, công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Tổng Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định****Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, toàn bộ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại và được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Tổng Công ty.

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận theo giá trị thuần (bằng nguyên giá trừ đi tổn thất). Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ phát sinh.

Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, chi phí sửa chữa, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng. Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán. Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Các khoản vay được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ. Khi lập BCTC số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay.

**14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận trong ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi bán các khoản đầu tư, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

**18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.



**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Tổng Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Tổng Công ty.

**21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**22. Các bên liên quan**

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Tổng Công ty trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	134.680.927	299.197.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.052.123.727	10.774.445.395
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.186.804.654</b>	<b>31.073.643.190</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.656.702.635</b>	-
Tiền gửi có kỳ hạn	40.656.702.635	-
<b>Cộng</b>	<b>40.656.702.635</b>	-

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần, lãi suất từ 2,2%/năm đến 4,8%/năm.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Các bên khác</b>	<b>59.736.765.001</b>	<b>60.401.610.744</b>
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	3.236.559.000	3.236.559.000
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	3.250.441.000	3.250.442.000
Ban Quản lý Dự án Phát triển Đô thị và Đầu tư Xây dựng công trình dân dụng	19.828.289.838	19.828.289.838
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	10.332.671.000	10.332.671.000
Các khách hàng khác	23.088.804.163	23.753.648.906
<b>Cộng</b>	<b>59.736.765.001</b>	<b>60.401.610.744</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Các bên khác</b>	<b>49.385.553.969</b>	<b>49.425.563.968</b>
Công ty cổ phần Xây dựng 41	11.769.607.658	11.769.607.658
Công ty TNHH Một thành viên Phương Bảo Tú	6.798.659.941	6.798.659.941
Các nhà cung cấp khác	30.817.286.370	30.857.296.369
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.683.383.117</b>	<b>2.683.383.117</b>
Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 42	2.683.383.117	2.683.383.117
<b>Cộng</b>	<b>52.068.937.086</b>	<b>52.108.947.085</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**5. Phải thu khác**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>58.223.156.122</b>	<b>57.797.903.870</b>
Phải thu tạm ứng các Chi nhánh thi công công trình (i)	23.810.919.500	23.494.919.500
Phải thu tạm ứng nhân viên	1.754.030.579	1.298.028.400
Phải thu các hợp đồng giao khoán (ii)	29.832.107.293	30.832.107.293
Lãi tiền gửi dự thu	19.562.508	-
Phải thu khác	2.806.536.242	2.172.848.677
<b>Dài hạn</b>	<b>1.415.479.167</b>	<b>1.415.479.167</b>
Phải thu khác	1.415.479.167	1.415.479.167
<b>Cộng</b>	<b>59.638.635.289</b>	<b>59.213.383.037</b>

(i) Phải thu tạm ứng các Chi nhánh thi công công trình là số dư liên quan đến các hợp đồng khoán cho các Chi nhánh thực hiện các dự án mà chưa được quyết toán. Số dư này sẽ được quyết toán giữa Tổng Công ty và các Chi nhánh khi các dự án hoàn thành.

(ii) Phải thu các hợp đồng giao khoán là khoản phải thu các cá nhân nhận giao khoán thi công xây lắp, đây là khoản Tổng Công ty xử lý theo phê duyệt của Hội đồng quản trị tại tờ trình số 286/TT-TCT ngày 31/12/2023 về quy trách nhiệm khoán lỗ của những công trình đã quyết toán xong với các chủ đầu tư cho các cá nhân theo nội dung tại hợp đồng nhận khoán.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	32.495.833.963	(30.584.627.603)	30.692.399.707	(30.692.399.707)
Phải thu khác	8.975.334.703	(8.975.334.703)	-	-
Tạm ứng	8.380.775.149	(8.060.010.769)	3.818.443.081	(3.818.443.081)
Trả trước cho người bán	36.309.852.771	(36.309.852.771)	36.309.852.771	(36.309.852.771)
<b>Cộng</b>	<b>86.161.796.586</b>	<b>(83.929.825.846)</b>	<b>70.820.695.559</b>	<b>(70.820.695.559)</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**7. Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.874.597.831	-	1.874.597.831	-
Công cụ, dụng cụ	26.802.425	-	26.802.425	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.463.231.733	-	12.463.231.733	-
<b>Cộng</b>	<b>14.364.631.989</b>	<b>-</b>	<b>14.364.631.989</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>136.793.445</b>	<b>391.206.526</b>
Chi phí bảo trì, sửa chữa văn phòng	65.833.331	171.912.833
Các chi phí khác	70.960.114	219.293.693
<b>Dài hạn</b>	<b>5.354.264.260</b>	<b>5.351.252.747</b>
Các chi phí khác tại Công ty con - Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4B	5.354.264.260	5.351.252.747
<b>Cộng</b>	<b>5.491.057.705</b>	<b>5.742.459.273</b>

**9. Phải thu về cho vay dài hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty cổ phần Xây dựng 41 (ii)	1.440.000.000	1.440.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.440.000.000</b>	<b>1.440.000.000</b>

(ii) Phải thu Công ty cổ phần Xây dựng 41 (là cổ đông lớn tại Công ty con - Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 414) là khoản tạm ứng dài hạn cho cổ đông sáng lập, khoản này sẽ được hoàn trả hoặc khấu trừ công nợ khi Công ty con hoàn trả lại vốn góp cho các cổ đông sáng lập.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTPC**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà xưởng vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND	
						Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	66.565.632.593	37.157.965.591	15.209.100.528	324.165.076	119.256.863.788	
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số giảm trong kỳ	-	16.758.959.029	12.066.470.803	-	-	28.825.429.832
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	16.758.959.029	12.066.470.803	-	-	28.825.429.832
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>66.565.632.593</b>	<b>20.399.006.562</b>	<b>3.142.629.725</b>	<b>324.165.076</b>	<b>90.431.433.956</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	29.463.177.867	37.040.157.788	14.038.590.325	324.165.076	80.866.091.056	
Số tăng trong kỳ	793.417.874	40.516.074	69.961.743	-	-	903.895.691
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	793.417.874	40.516.074	69.961.743	-	-	903.895.691
Số giảm trong kỳ	-	16.758.959.029	11.401.834.255	-	-	28.160.793.284
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	16.758.959.029	11.401.834.255	-	-	28.160.793.284
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.256.595.741</b>	<b>20.321.714.833</b>	<b>2.706.717.813</b>	<b>324.165.076</b>	<b>53.609.193.463</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>37.102.454.726</b>	<b>117.807.803</b>	<b>1.170.510.203</b>	<b>-</b>	<b>38.390.772.732</b>	
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>36.309.036.852</b>	<b>77.291.729</b>	<b>435.911.912</b>	<b>-</b>	<b>36.822.240.493</b>	

Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 25.501.079.772 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 734.598.292 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngắn hạn tại ngân hàng (Xem thuyết minh số V.20).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024 là 34.411.512.194 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 61.595.860.208 đồng).



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất tại số 34 Đường Thủy Lợi, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh có nguyên giá là 131.063.400.000 đồng, được Tổng Công ty nhận giao đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp. Giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao (Xem thuyết minh số V.19).

**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Chỉ tiêu	Nhà và quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	248.639.258.016	248.639.258.016
Số tăng trong kỳ	51.190.000	51.190.000
- Mua trong kỳ	51.190.000	51.190.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	248.690.448.016	248.690.448.016
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	23.309.144.972	23.309.144.972
Số tăng trong kỳ	3.119.298.935	3.119.298.935
- Khấu hao trong kỳ	3.119.298.935	3.119.298.935
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	26.428.443.907	26.428.443.907
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	225.330.113.044	225.330.113.044
Tại ngày cuối kỳ	222.262.004.109	222.262.004.109

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
Nhà và tài sản trên đất	140.690.448.016	140.639.258.016
Giá trị quyền sử dụng đất	108.000.000.000	108.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>248.690.448.016</b>	<b>248.639.258.016</b>

Bất động sản đầu tư bao gồm: Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại số 102 Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại số 286-288 Nguyễn Xi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty đã thế chấp Tòa nhà Văn phòng tại số 102 Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh gồm giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh (Xem thuyết minh số V.21) với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024 là 85.107.168.249 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 86.531.154.135 đồng)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2024. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không thấp hơn giá trị ghi sổ tại ngày này.



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2024	01/01/2024
Dự án khu nhà ở tại số 34 Đường Thủy Lợi, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh	22.955.132.802	22.332.774.776
Dự án xây dựng cao ốc 414 Cộng	469.550.077	469.550.077
<b>Cộng</b>	<b>23.424.682.879</b>	<b>22.802.324.853</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
Các bên khác	76.968.899.381	77.461.589.202
Công ty cổ phần Trang thiết bị Hanoi TC	5.195.757.210	5.340.757.210
Công ty cổ phần Tập đoàn Việt Úc	6.186.367.926	6.186.367.926
Các nhà cung cấp khác	65.586.774.245	65.934.464.066
<b>Cộng</b>	<b>76.968.899.381</b>	<b>77.461.589.202</b>

Tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024, Tổng Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn

**16. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2024	01/01/2024
Ngắn hạn	8.382.037.119	7.056.817.271
Các khách hàng khác	8.382.037.119	7.056.817.271
Dài hạn	88.000.000.000	88.000.000.000
Các khách hàng khác	88.000.000.000	88.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>96.382.037.119</b>	<b>95.056.817.271</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	01/01/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>142.865.940</b>	<b>876.552.258</b>	<b>1.153.237.803</b>	<b>419.551.485</b>
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	171.423	171.423
Thuế tài nguyên	142.865.940	142.865.940	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	733.686.318	1.153.066.380	419.380.062
<b>Cộng</b>	<b>142.865.940</b>	<b>876.552.258</b>	<b>1.153.237.803</b>	<b>419.551.485</b>
<b>Phải thu</b>	<b>5.650.948.430</b>	<b>2.474.041.665</b>	<b>298.165.153</b>	<b>7.826.824.942</b>
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.897.125.566	-	-	1.897.125.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.385.261.571	528.840.809	-	3.914.102.380
Thuế thu nhập cá nhân	137.061.170	21.422.680	53.789.071	104.694.779
Thuế tài nguyên	-	1.414.716.046	-	1.414.716.046
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	212.008.952	-	212.008.952	-
Thuế khác	14.972.000	20.000.000	19.000.000	15.972.000
Các khoản phải nộp khác	4.519.171	489.062.130	13.367.130	480.214.171
<b>Cộng</b>	<b>5.650.948.430</b>	<b>2.474.041.665</b>	<b>298.165.153</b>	<b>7.826.824.942</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
Chi phí lãi vay	590.975.051	654.551.001
Chi phí các công trình và chi phí khác	11.703.510.688	11.703.510.688
<b>Cộng</b>	<b>12.294.485.739</b>	<b>12.358.061.689</b>

**19. Phải trả khác**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.079.777.095</b>	<b>35.173.158.646</b>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.632.550.818	1.634.187.031
Cổ tức phải trả	2.427.581.164	2.441.901.264
Phải trả các hợp đồng giao khoán (i)	3.811.655.600	4.811.655.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.207.989.513	26.285.414.751
<b>Dài hạn</b>	<b>131.063.400.000</b>	<b>131.063.400.000</b>
Tiền sử dụng đất phải nộp Ngân sách Nhà nước (ii)	131.063.400.000	131.063.400.000
<b>Cộng</b>	<b>165.143.177.095</b>	<b>166.236.558.646</b>

(i) Phải trả các hợp đồng giao khoán là khoản tiền các cá nhân nhận giao khoán thi công xây lắp đã nộp để đảm bảo nghĩa vụ khi thực hiện hợp đồng nhận khoán.

(ii) Tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách Nhà nước tương ứng của khu đất tại số 34 Đường Thủy Lợi, Phường Phước Long A, Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh (thuyết minh số 11) đang được Tổng Công ty tạm ghi nhận theo quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và sẽ được tính toán lại nếu được giao đất chính thức của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện dự án phát triển khu nhà ở do Tổng Công ty làm chủ đầu tư.

Hiện tại, Tổng Công ty vẫn thuê và trả tiền thuê đất hàng năm theo Hợp đồng thuê đất số 3240/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 21/05/2014 được ký giữa UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty để sử dụng làm kho và xưởng sản xuất cho đến khi bàn giao đất để thực hiện dự án nhà ở.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Khoản mục	Trong kỳ			Đơn vị tính: VND
	30/06/2024	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn (i)	1.866.519.899	1.866.519.899	21.514.948	01/01/2024
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21)	-	-	8.248.542.600	Số có khả năng trả nợ
<b>Cộng</b>	<b>1.866.519.899</b>	<b>1.866.519.899</b>	<b>8.270.057.548</b>	<b>21.514.948</b>

**(i) Chi tiết số dư các khoản vay ngắn hạn như sau:**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận (ii)

**Cộng**

	30/06/2024	01/01/2024
	-	21.514.948
	1.866.519.899	-
	<b>1.866.519.899</b>	<b>21.514.948</b>

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 001/PNH-PĐP/N24-VLD ngày 23/02/2024, hạn mức tín dụng tối đa là 20 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể tại hợp đồng vay.



**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

Khoản mục	30/06/2024		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Phân loại	Số có khả năng trả nợ	01/01/2024
Vay dài hạn (i)	23.829.004.462	-	38.223.063.180	-	62.052.067.642	
<b>Cộng</b>	<b>23.829.004.462</b>	<b>-</b>	<b>38.223.063.180</b>	<b>-</b>	<b>62.052.067.642</b>	

**(i) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn như sau:**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh (ii)

Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sài Gòn

**Cộng**

	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	23.829.004.462	24.719.004.462
	<b>23.829.004.462</b>	<b>70.300.610.242</b>

**Trong đó:**

- Số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày ở thuyết minh số V.20)

- Số phải trả sau 12 tháng (trình bày ở thuyết minh số V.21)

	-	8.248.542.600
	23.829.004.462	62.052.067.642

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 14/2017/62554/HĐTD ngày 30/08/2017, số tiền cho vay là 49 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng trụ sở làm việc kết hợp văn phòng cho thuê tại số 102 Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh. Thời hạn cho vay là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian ân hạn khoản vay là 02 năm. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng bằng lãi xuất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam, kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niêm yết tại ngân hàng +4,5%. Lãi suất điều chỉnh 06 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng. Vốn vay được rút nhiều lần nhưng tối đa không quá 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Trả gốc 3 tháng/lần, tài sản thế chấp là cổ phiếu, giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp số 16/2017/62554/HĐBĐ ngày 28/11/2017 (Xem thuyết minh số V.12).

**22. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2023	160.083.380.000	46.349.259.060	11.340.141.872	11.908.753.017	78.636.136.003	294.817.669.952
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(47.677.878.622)	(498.690.548)	(48.176.569.170)
Chuyển quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (i)	-	(46.349.259.060)	(11.340.141.872)	57.689.400.932	-	-
Giảm vốn tại Công ty con	-	-	-	-	(70.560.000.000)	(70.560.000.000)
Số dư 31/12/2023	160.083.380.000	-	-	21.920.275.327	7.577.445.455	176.081.100.782
Số dư 01/01/2024	160.083.380.000	-	-	21.920.275.327	7.577.445.455	176.081.100.782
Lãi trong năm nay	-	-	-	22.828.834.458	(124.717.579)	22.704.116.879
Số dư 30/06/2024	160.083.380.000	-	-	44.749.109.785	7.452.727.876	198.785.217.661

(i) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ/TCT-ĐHĐCD ngày 26/05/2023, Tổng Công ty đã kết chuyển toàn bộ "Quỹ đầu tư phát triển" và "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" sang "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối".

**22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông	160.083.380.000	100,0%	160.083.380.000	100,0%
<b>Cộng</b>	<b>160.083.380.000</b>	<b>100,0%</b>	<b>160.083.380.000</b>	<b>100,0%</b>

**Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	160.083.380.000	160.083.380.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	160.083.380.000	160.083.380.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.008.338	16.008.338
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.008.338	16.008.338
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.008.338	16.008.338
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.350.000	1.350.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.350.000	1.350.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.658.338	14.658.338
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14.658.338	14.658.338
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	30/06/2024	01/01/2024
- <i>Đô la Mỹ (USD)</i>	52,38	65,58

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.481.367.652	15.479.561.802
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.595.706.566	11.296.283.023
<b>Cộng</b>	<b>15.077.074.218</b>	<b>26.775.844.825</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.238.710.905	8.225.832.603
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.673.609.556	14.767.527.327
<b>Cộng</b>	<b>10.912.320.461</b>	<b>22.993.359.930</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lãi tiền gửi ngân hàng	24.038.543	572.983.359
Lãi bán các khoản đầu tư	35.727.903.605	42.252.928.000
<b>Cộng</b>	<b>35.751.942.148</b>	<b>42.825.911.359</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lãi tiền vay	2.039.830.937	7.921.757.771
Chi phí bán các khoản đầu tư	27.257.211	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	218.986	-
<b>Cộng</b>	<b>2.067.307.134</b>	<b>7.921.757.771</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Chi phí nhân viên	2.698.411.912	3.417.600.612
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	13.109.130.287	24.423.861.856
Chi phí khác	1.762.726.705	3.464.711.150
<b>Cộng</b>	<b>17.570.268.904</b>	<b>31.306.173.618</b>

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	3.102.787.693	5.132.987.013
Thu nhập khác	252.065.441	631.509.914
<b>Cộng</b>	<b>3.354.853.134</b>	<b>5.764.496.927</b>

**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Chi phí khác	929.856.122	57.153.673
<b>Cộng</b>	<b>929.856.122</b>	<b>57.153.673</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại Tổng Công ty và các Công ty con như sau</b>	-	3.043.451.908
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	-	3.043.451.908
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4A	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 4B	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Thủy lợi 414	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.043.451.908</b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.828.834.458	10.308.474.026
Trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính/ thực tế	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.828.834.458	10.308.474.026
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.658.338	14.658.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.557	703
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.557	703

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Tổng Công ty không thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do kết quả kinh doanh năm 2023 lỗ. Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ này cũng dự tính sẽ không trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2024 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.



**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.133.983	1.154.518.767
Chi phí nhân công	4.516.214.516	5.475.746.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.023.194.626	4.482.092.007
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	13.109.130.287	24.423.861.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.671.866.065	11.155.708.022
Chi phí khác bằng tiền	1.018.049.888	2.320.190.765
<b>Cộng</b>	<b>28.482.589.365</b>	<b>49.012.117.708</b>

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/06/2024 là 590.975.051 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 654.551.001 đồng), là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/06/2024 là 660.430.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 0 đồng), là tiền bán khoản đầu tư nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/06/2024 là 19.562.508 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 0 đồng), là lãi tiền gửi dự thu nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ không bao gồm số tiền tại ngày 30/06/2024 là 2.427.581.164 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 2.441.901.264 đồng), là tiền cổ tức phải trả nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên mục tăng giảm các khoản phải trả.

**VIII. Những thông tin khác**

Đơn vị tính: VND

**1. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán và các vụ tranh chấp liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế mà Tổng Công ty là bên nguyên đơn hoặc bị đơn tại cơ quan Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế, có thể làm phát sinh các khoản tiền lãi chậm thanh toán, phạt vi phạm, cùng các khoản phí phát sinh liên quan cho Tổng Công ty. Các khoản này chỉ được ghi nhận khi được xác định một cách đáng tin cậy và chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế cho Tổng Công ty thông qua thương lượng hoặc phán quyết cuối cùng của cơ quan Tòa án hoặc Trọng tài kinh tế.

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 4 - CTCP**

Số 205A Nguyễn Xi, Phường 26, Quận Bình Thạnh,

Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 29/07/2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 006/2024/NQ/TCT-HĐQT thông qua giá bán cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty. Theo Nghị quyết này thì giá bán cổ phiếu quỹ không thấp hơn 5.796 đồng/cổ phiếu, thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày 16/08/2024.

Ngày 08/08/2024, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 008/2024/NQ-HĐQT phê duyệt việc thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 42 theo hình thức chuyển nhượng cổ phần. Ngày 12/08/2024, Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần theo Nghị quyết nêu trên.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Thông tin về các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty cổ phần Xây dựng Thủy lợi 42	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Từ 01/01/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023</b>
		<b>đến 30/06/2024</b>	<b>đến 30/06/2023</b>
Ông Nguyễn Anh Kiệt	Chủ tịch	177.367.500	-
Ông Chu Quang Tuấn	Phó Chủ tịch, Phó Tổng Giám đốc	147.100.000	175.300.434
Ông Nguyễn Xuân Hoà	Thành viên	139.507.500	-
Bà Phạm Thị Thuý Hằng	Thành viên	138.007.500	-
Ông Đinh Văn Vân	Chủ tịch	-	194.222.403
Ông Phan Thành Tiên	Thành viên, Phó Tổng Giám đốc	-	123.528.762
Ông Trần Nho Thái	Thành viên	-	30.000.000
Ông Lê Duy Thanh	Thành viên	-	30.000.000
<b>Cộng</b>		<b>601.982.500</b>	<b>553.051.599</b>

**Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Từ 01/01/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023</b>
		<b>đến 30/06/2024</b>	<b>đến 30/06/2023</b>
Bà Nguyễn Thúy Ngọc	Trưởng ban	17.663.820	-
Ông Đào Anh Tuấn	Trưởng ban	73.604.000	131.537.667
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	31.468.000	83.607.398
Ông Lê Tiến Luận	Thành viên	-	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>122.735.820</b>	<b>233.145.065</b>

**3. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)****Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
Ông Lê Vũ Hùng	Tổng Giám đốc	166.560.000	169.627.707
Ông Nguyễn Văn Thạc	Phó Tổng Giám đốc	128.807.000	136.992.245
<b>Cộng</b>		<b>295.367.000</b>	<b>306.619.952</b>

**4. Báo cáo bộ phận****Theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tổng Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm hoạt động xây dựng và hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	12.481.367.652	15.479.561.802
Hoạt động xây dựng	2.595.706.566	11.296.283.023
<b>Cộng</b>	<b>15.077.074.218</b>	<b>26.775.844.825</b>

**Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	8.238.710.905	8.225.832.603
Hoạt động xây dựng	2.673.609.556	14.767.527.327
<b>Cộng</b>	<b>10.912.320.461</b>	<b>22.993.359.930</b>

**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	4.242.656.747	7.253.729.199
Hoạt động xây dựng	(77.902.990)	(3.471.244.304)
<b>Cộng</b>	<b>4.164.753.757</b>	<b>3.782.484.895</b>

**Theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty đều phát sinh tại Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**5. Thông tin so sánh**

Số dư đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được lấy theo số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và số liệu so sánh phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

**Kế toán trưởng**



**Mai Thị Hảo**

**Tổng Giám đốc**



**Lê Vũ Hùng**

